

**TÒA án nhân DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST

Ngày 17 - 3 -2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA án nhân DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và ông Vũ Xuân Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1994 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã NX, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Th và bà Trần Thị Bích Ng, gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/9/2024. (có mặt)

* *Bị hại:* Anh Cao Xuân Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn K, xã NX, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do (vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Mạnh T2, sinh năm 1993;

- Anh Cao Xuân T3, sinh năm 1995;

- Chị Khiếu Thị Hoàng H, sinh năm 2003;

Đều trú tại thôn N, xã NX, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;

- Anh Cao Văn H2, sinh năm 1989;

- Anh Bùi Văn C, sinh năm 1991;

Đều trú tại thôn K, xã NX, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;

(Anh T2, anh C có mặt; anh T3, chị H, anh H2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 20/6/2024, sau khi Nguyễn Đức T uống bia cùng anh Bùi Văn C và anh Phạm Trường Thoi về thì T nhắn tin cho anh Cao Xuân T3 xin số điện thoại của anh Cao Xuân Q (anh trai T3) mục đích để hỏi lý do tại sao Q không trả tiền bác Phước (là bác của T lát gạch hoa cho gia đình Q) mà còn to tiếng. Giữa T và anh T3 có cãi nhau và T hẹn đến nhà anh T3 nói chuyện. Trên đường đến nhà anh T3, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Mạnh T2 (là em họ của T) rủ xuống nhà T3 để nói chuyện, anh T2 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 17B2-566.99 đến đón, chở anh T2 đến nhà anh T3, lúc này anh Bùi Văn C cũng điều khiển xe theo sau. Khi đến cổng nhà anh T3, T dừng xe, gọi anh T3, nghe thấy tiếng gọi ngoài cổng, anh T3 ra mở cổng, T đến khoác vai anh T3, anh T3 gạt tay ra rồi dùng khuỷu tay phải thụi T một cái vào eo bên trái của T, sau đó hai bên lao vào đấm, đá nhau. Thấy vậy, anh T2 vào can ngăn lôi anh T3 và T ra không cho đánh nhau nữa, nhưng không được nên đã dùng tay phải đấm về phía T và anh T3 để cho hai bên không đánh nhau nữa nhưng không trúng ai, sau đó anh T2 kéo được T ra cổng thì anh T3 cầm ghế nhựa trong sân lao ra vụt về phía T và anh T2. Anh T2 dùng tay đỡ rồi giật ghế cầm trên tay, anh T3 chạy vào trong sân cầm 01 chiếc gậy tre dài 1,6m, một đầu gắn răng bằng sắt, quay phần răng sắt lên trên, phần gỗ quay xuống dưới đi ra phía cổng đánh từ trên xuống dưới về phía T và anh T2, anh T2 đỡ ghế nhựa lên đỡ thì gậy tre rơi xuống đất, phần lưỡi sắt ở gậy tre bị rơi ra, anh T2 cầm ghế đánh về phía T3 thì trúng vào phần bả vai trái của anh T3 nhưng không gây thương tích. Lúc này, anh T3 gọi “*anh Q ơi chúng nó đánh em*”, anh Q từ trên tầng hai chạy xuống và cầm chiếc gậy tre lúc trước ở dưới đất bằng tay phải vụt 02 cái vào hông T. Thấy vậy, anh C đi đến vào can ngăn và nói “*anh em cùng làng bảo nhau*” thì bị anh T3 và anh Q chửi nên anh C ra đường đứng. Lúc này, T lao vào giật chiếc gậy của anh Q đang cầm, ở tư thế đối diện, T cầm gậy bằng hai tay vụt 02 cái về phía người của anh Q, anh Q giơ tay phải lên đỡ thì bị trúng vào mồm thâm trụ tay phải, gây thương tích 08% và xương đốt bàn V bàn tay phải, gây thương tích 08%. Sau đó, anh Q lao vào đẩy T vào cạnh T2 nhà rồi dùng tay

trái đâm vào mặt T, T dùng tay trái đâm vào vùng má bên phải anh Q gây thương tích 01%. Thấy vậy, anh T2 vào can ngăn kéo T ra, anh Q bảo với anh T2 “ông bảo T về đi còn tôi bảo em tôi vào”, T không đánh anh Q nữa mà cùng anh T2 ra cổng đứng. Khi thấy xảy ra đánh nhau, chị Khiếu Thị Hoàng H (là vợ T3) gọi điện thoại cho Cao Văn H2 (là anh trai của T3 và Q) nói “anh ơi về nhà, có mấy anh đánh bố mẹ với anh T3, anh Q”. Sau đó, anh H2 điều khiển xe mô tô biển số 17H2-1972, trên xe có sẵn con dao cán bằng gỗ dài khoảng 35 cm, lưỡi bằng kim loại, anh H2 chặt lạt từ chiều đi đến cổng nhà anh T3. Đến nơi, anh H2 thấy anh C đứng ở cổng, nghĩ là anh C xảy ra xô xát với anh T3 và anh Q nên anh H2 cầm dao đuổi theo anh C chém trúng vào phần bả vai bên trái, gây thương tích 02% và chém vào phần bả vai bên phải, gây thương tích 02%.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 462/KLTTCT-TTPY ngày 22/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình đối với thương tích của anh Cao Xuân Q, kết luận: gò má phải có vết xây xát da đã bong vảy biến đổi sắc tố 01%, gãy xương đốt bàn V bàn tay phải 08%, gãy mỏm trâm trụ tay phải 08%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Cao Xuân Q tại thời điểm giám định là 16%. Cơ chế hình thành thương tích: thương tích xây xát da đã bong vảy biến đổi sắc tố gò má phải do vật tày tác động gây nên; thương tích gãy xương đốt V bàn tay phải, gãy mỏm trâm trụ tay phải do vật tày tác động gây nên.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSVT ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận thực hiện hành vi như nội dung đã nêu ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Nguyễn Xá, huyện Vũ Thư giám sát giáo dục trong thời gian thử

thách.

* Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã tự nguyện bồi thường, cho bị hại 5.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; tịch thu tiêu hủy 02 mảnh nhựa vàng; 01 gậy tre dài 1,6m; 01 hộp bìa catong đã được niêm phong bên trong có 01 con dao (*có đặc điểm như biên bản quản lý*).

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được tự cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Báo cáo vụ việc ngày 26/6/2024 của Công an xã NX, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc và sơ đồ vụ việc; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản quản lý 02 mảnh nhựa vàng và anh Cao Xuân Q tự nguyện giao nộp đoạn gậy tre dài 1,6m; Biên bản niêm phong đồ vật; Giấy chứng nhận thương tích của anh Cao Xuân Q; Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 462/KLTTCT-TTPY ngày 22/8/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái

Bình; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 20/6/2024, tại nhà của gia đình anh Cao Xuân T3 ở thôn N, xã NX, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, do mâu thuẫn phát sinh nên Nguyễn Đức T đã có hành vi dùng 01 đoạn gậy tre dài 1,6m (là hung khí nguy hiểm) vụt 02 phát theo hướng từ trên xuống dưới vào mồm trái trạ tay phải, xương đốt bàn V bàn tay phải và dùng tay đấm vào vùng má bên phải của anh Cao Xuân Q. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Cao Xuân Q tại thời điểm giám định là 16%.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo sử dụng đoạn gậy tre cứng (là hung khí nguy hiểm) để thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại nên hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...”

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ

thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình trong nh dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Chỉ vì mâu thuẫn rất nhỏ trong cuộc sống mà bị cáo và anh T3, anh T2, anh Q, anh H2 có xô xát với nhau. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy anh T3 và anh Q là người dùng gậy tre T3 công bị cáo trước, sau đó bị cáo mới giật chiếc gậy này rồi gây thương tích cho anh Q, thương tích gây ra cũng không lớn. Ngoài lần vi phạm này, bị cáo đã chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 2 Nghị quyết 02 ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cáo hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, bị cáo đủ điều kiện để có thể được xem xét cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy việc cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ tác dụng cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho anh Cao Xuân Q số tiền 5.000.000 đồng, anh Q đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu bồi thường gì thêm, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 mảnh nhựa vàng; 01 gậy tre dài 1,6m; 01 hộp bìa catong đã được niêm phong bên trong có 01 con dao là các công cụ, phương tiện do bị cáo và những người khác dùng để xô xát với nhau nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với 04% thương tích của anh Bùi Văn C, quá trình điều tra đã xác định thương tích này do anh H2 gây nên. Anh C xác định thương tích không ảnh hưởng đến sức khỏe, sau sự việc anh H2 đã đến xin lỗi và bồi thường, đồng thời có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh H2 nên Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã quyết

định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh H2 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Mạnh T2, Cao Xuân T3, Cao Xuân Q: Khi Nguyễn Đức T gọi điện thoại và chở anh T2 đến nhà anh T3 mục đích chỉ để nói chuyện liên quan đến bác của T. Khi đi không bàn bạc việc đánh gây thương tích cho ai và cũng không chuẩn bị công cụ, phương tiện gây thương tích. Tại gia đình anh T3, xảy ra xô xát giữa T và anh T3, anh T2 vào can ngăn không cho hai bên đánh nhau thì bị anh T3 đánh nên anh T2 có đánh lại T3 nhưng không gây thương tích. Sau đó, chỉ mình bị cáo dùng gây gây thương tích cho anh Q. Do đó, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình quyết định xử phạt vi phạm hành chính với anh Nguyễn Mạnh T2, Cao Xuân T3, Cao Xuân Q là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cố ý gây thương tích”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án 02 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/3/2025. Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nH dân xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 mảnh nhựa vàng; 01 gậy tre dài 1,6m; 01 hộp bìa catong đã được niêm phong bên trong có 01 con dao.

(Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư theo biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 25 tháng 02 năm 2025)

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/3/2025. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

